

Số: 74/2024/QĐST - HNGĐ

Phú Lương, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST/HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Văn Đ – Sinh năm 1983.

HKTT tại: Xóm Ó, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

- *Bị đơn*: Chị Vương Thị M - Sinh năm 1983.

HKTT tại: Xóm K, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hoàng Văn Đ và chị Vương Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng*:

Chị Vương Thị M thuận tình ly hôn anh Hoàng Văn Đ

- *Về con chung*: Hai bên thỏa thuận giao con chung là Hoàng Thị P (SN 10/12/2006) cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Giao con là Hoàng Thị C (SN 05/12/2009) cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M và anh Đ, vì anh Đ và chị M không yêu cầu. Chị M và anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung.

- *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của các bên đương sự, cụ thể: Anh Đ và chị M thống nhất thỏa thuận trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có trồng được 3ha cây keo có giá trị 32.000.000 đồng, sau khi vợ chồng ly hôn số tài sản này sẽ chia làm đôi. Anh Đ là người đã bán cây. Vì vậy, anh Đ có trách nhiệm phải trích chia lại cho chị M số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không nộp được số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất cơ bản tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về nợ chung*: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Hai bên thỏa thuận anh Đ chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ được trừ từ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004570 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Anh Đ được hoàn lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Đỗ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Đức Long